



Chất lượng cuộc sống người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2025

Chữ Minh Đức¹, Phan Bá Hải¹, Nguyễn Mai Hồng², Nguyễn Thanh Trà³, Phùng Thị Thêu³, Vũ Thị Trang³, Phạm Đức Tiến³, Nguyễn Văn Bảy³, Phạm Thanh Duyên³, Nguyễn Thị Quỳnh Trang³, Đào Thị Ngân¹

¹Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; ²Trường Đại học Thăng Long; ³Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2025. **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu dọc, trên 130 người bệnh được phẫu thuật thay khớp háng tại Viện Chấn thương Chỉnh hình - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức từ 01/2025 đến 06/2025. Dữ liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi cấu trúc tại hai thời điểm là 2 tuần và 4 tuần sau phẫu thuật, chất lượng cuộc sống được đánh giá bằng thang đo SF-12. Thống kê mô tả được áp dụng mô tả đặc điểm nhân khẩu học, lâm sàng và điểm số QoL. **Kết quả:** Điểm trung bình ở tất cả các khía cạnh của thang SF-12 đều tăng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$), trong đó sức khỏe thể chất tăng từ $22,08 \pm 6,91$ lên $46,41 \pm 17,31$ điểm, sức khỏe tinh thần cải thiện từ $43,20 \pm 11,18$ lên $57,62 \pm 16,75$ điểm, và tổng điểm SF-12 tăng từ $32,64 \pm 8,26$ lên $52,02 \pm 16,56$ điểm. Về mức phân loại, 2 tuần sau phẫu thuật đa số người bệnh ở mức rất kém (46,9%) hoặc kém (33,1%), trong khi sau 4 tuần phẫu thuật tỷ lệ đạt mức tốt (16,9%) và rất tốt (33,1%). **Kết luận:** Chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo cải thiện rõ rệt trong 4 tuần đầu, đặc biệt ở sức khỏe thể chất, với tỷ lệ đạt mức tốt và rất tốt tăng đáng kể so với thời điểm 2 tuần sau phẫu thuật.

Từ khoá: Chất lượng cuộc sống, phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo.

Quality of life of patients after total hip arthroplasty at Viet Duc University Hospital, 2025

Chu Minh Duc¹, Phan Ba Hai¹, Nguyen Mai Hong², Nguyen Thanh Tra³, Phung Thi Theu³, Vu Thi Trang³, Pham Duc Tien³, Nguyen Van Bay³, Pham Thanh Duyen³, Nguyen Thi Quynh Trang³, Dao Thi Ngan¹

¹Viet Duc University Hospital; ²Thang Long University; ³Vinmec Times City International Hospital

ABSTRACT

Objective: To describe the quality of life (QoL) of patients after total hip arthroplasty at Viet Duc University Hospital in 2025. **Study design:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 130 patients undergoing total hip arthroplasty at the Institute of Orthopedic Trauma, Viet Duc University Hospital, from January to June 2025. Data were collected using a structured questionnaire at 2 and 4 weeks postoperatively, with QoL assessed by the SF-12 scale. Descriptive statistics were applied to summarize demographic, clinical characteristics, and QoL scores. **Results:** Mean scores across all domains of the SF-12 improved significantly ($p < 0.001$). Physical health showed the greatest improvement, rising from $22,08 \pm 6,91$ to $46,41 \pm 17,3$, while mental health increased from $43,20 \pm 11,18$ to $57,62 \pm 16,75$, and the overall SF-12 score improved from $32,64 \pm 8,26$ to $52,02 \pm 16,56$. At 2 weeks postoperatively, most patients were classified as very poor (46.9%) or poor (33.1%). By 4 weeks, however, 16.9% achieved "good" and 33.1% "very good" QoL levels. **Conclusion:** Patients' quality of life significantly improved within the first 4 weeks after total hip arthroplasty, particularly in physical health, with a marked increase in the proportion achieving "good" or "very good" outcomes compared to 2 weeks postoperatively.

Keywords: Quality of life, total hip arthroplasty.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Khớp háng là một trong những khớp lớn, có tần suất và biên độ vận động cao, do đó khi bị tổn thương sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng vận động và sinh hoạt hàng ngày của người bệnh. Các bệnh lý thường gặp tại khớp háng như hoại tử chỏm xương đùi, thoái hóa khớp háng, hay chấn thương gãy cổ xương đùi... thường dẫn đến chỉ định thay khớp háng nhân tạo – phương pháp tối ưu nhằm phục hồi chức năng vận động¹. Nghiên cứu của Chloe E. H. Scott (2022) cho thấy phẫu thuật thay khớp háng cải thiện triệu chứng lâm sàng ở 97% bệnh nhân². Tại Việt Nam, nghiên cứu của Đặng Hoàng Giang (2023) tại Bệnh viện Bạch Mai cũng chứng minh chất lượng cuộc sống tăng rõ rệt sau phẫu thuật, với sự thay đổi có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)³.

Ngày nay, thay khớp háng nhân tạo được xem là một trong những phẫu thuật thành công nhất trong chấn thương chỉnh hình, giúp giảm đau và nâng cao chất lượng cuộc sống⁴. Tuy nhiên, đề người bệnh hồi phục tốt, hạn chế biến chứng, vai trò chăm sóc điều dưỡng, đặc biệt trong giai đoạn sớm sau mổ, là rất quan trọng. Nhóm người bệnh bị bệnh lý mạn tính (như hoại tử chỏm, thoái hóa khớp háng) thường có chất lượng cuộc sống suy giảm kéo dài trước phẫu thuật, khác biệt với bệnh nhân chấn thương cấp tính (gãy cổ xương đùi, gãy liên mấu chuyên) vốn có chất lượng cuộc sống trước mổ tốt hơn⁴.

Từ thực tiễn đó, việc đánh giá sự thay đổi chất lượng cuộc sống của bệnh nhân sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức năm 2025 là cần thiết. Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: *Mô tả chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức năm 2025.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu: Người bệnh được phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Người bệnh ≥ 30 tuổi, có chỉ định thay khớp háng nhân tạo.

Tiêu chuẩn loại trừ: Người bệnh có bệnh lý nội khoa nặng khác, có vấn đề về nhận thức, trí nhớ hoặc rối loạn tâm lý nghiêm trọng.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 6 năm 2025, tại Viện Chấn thương Chỉnh hình, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu dọc.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ người bệnh đủ điều kiện, đồng ý tham gia nghiên cứu, trong thời gian nghiên cứu có 130 người bệnh.

Thu thập số liệu: Số liệu được thu thập dưới hình thức phát vấn theo bộ câu hỏi cấu trúc tại thời điểm 2 tuần và 4 tuần sau phẫu thuật.

Công cụ thu thập số liệu: Bộ công cụ nghiên cứu gồm ba phần: thông tin nhân khẩu học (tuổi, giới, nghề nghiệp, trình độ học vấn, tình trạng kinh tế); đặc điểm lâm sàng (BMI, bệnh kèm theo, thời gian phẫu thuật, thời gian nằm viện, phương pháp gây mê/gây tê, giảm đau và chẩn đoán sau phẫu thuật); thang đo SF-12 để đánh giá chất lượng cuộc sống.

Bộ câu hỏi SF-12 là phiên bản rút gọn của SF-36 với mục tiêu đo lường chất lượng cuộc sống và giảm thời gian trả lời. Nghiên cứu của Ware và Kosinski đã xây dựng và kiểm định sơ bộ SF-12, chứng minh công cụ có độ tin cậy cao, thể hiện qua hệ số tương quan test–retest của PCS-12 đạt 0,89

và MCS-12 đạt 0,76, đồng thời mô hình hai thành phần thể chất và tinh thần được xác lập rõ ràng ⁵. Bên cạnh đó nghiên cứu của, Shah và Brown (2020) tiếp tục xác nhận SF-12v2 có giá trị đo lường tốt với Cronbach's alpha cao (PCS = 0,87; MCS = 0,86) và độ ổn định theo thời gian đạt mức tốt, củng cố bằng chứng về độ tin cậy nội bộ và cấu trúc của công cụ ⁶.

Tại Việt Nam, SF-12 đã được dịch, chuẩn hóa và kiểm định độ tin cậy. Hoang và cộng sự (2023) đánh giá thang SF-12 ở bệnh nhân ung thư, cho thấy Cronbach's alpha khoảng 0,85 và mô hình hai thành phần rõ ràng, chứng minh rằng SF-12 phiên bản tiếng Việt có độ tin cậy và giá trị đo lường tốt trong bối cảnh Việt Nam ⁷. Nghiên cứu của Hoàn và cộng sự (2024) thực hiện trên 54 bệnh nhân sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Quân y 354 đã sử dụng SF-12 để đo lường hai lĩnh vực chính là sức khỏe thể chất (PCS) và sức khỏe tinh thần (MCS). Kết quả cho thấy điểm SF-12 phản ánh rõ sự cải thiện chức năng vận động và tâm lý của người bệnh sau phẫu thuật ⁸.

Tiêu chuẩn đánh giá: Thang SF-12 bao gồm hai nhóm chính: sức khỏe thể chất và

sức khỏe tinh thần. Các lĩnh vực được cấu thành từ 12 câu hỏi, trong đó nhóm sức khỏe thể chất được tính từ các câu Q1–Q5 và Q8 (bao gồm sức khỏe tổng quát, hoạt động thể chất, hạn chế do vấn đề thể chất và đau cơ thể), còn nhóm sức khỏe tinh thần được tính từ các câu Q6–Q7 và Q9–Q12 (bao gồm vai trò cảm xúc, sức sống, sức khỏe tâm thần và chức năng xã hội). Điểm số SF-12 được chuẩn hóa theo thang 100 điểm, với mức phân loại: ≥ 60 điểm (rất tốt), 50–59 (tốt), 40–49 (trung bình), 30–39 (kém) và < 30 (rất kém).

Phương pháp phân tích số liệu: Các phân tích thống kê sử dụng phần mềm EpiData. Phân tích mô tả được tiến hành để tóm tắt đặc điểm nhân khẩu học, lâm sàng, cận lâm sàng và chất lượng cuộc sống (QoL) của đối tượng nghiên cứu bằng tỷ lệ %, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được Hội đồng thẩm định đề cương luận văn thạc sĩ ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Thăng Long thông qua theo quyết định số 24112201/QĐ-ĐHTL ngày 22/11/2024. Đồng thời được sự cho phép tiến hành nghiên cứu của lãnh đạo Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu của đối tượng nghiên cứu (n = 130)

	Đặc điểm nhân khẩu	n	%
Giới	Nam	65	50
	Nữ	65	50
Tuổi	< 50 tuổi	26	20,0
	50 – 60	21	16,2
	60 – 75	42	32,3
	≥ 75	41	31,5
Nơi sống	Thành thị	44	33,8
	Nông thôn	86	66,2

Tỷ lệ nam và nữ bằng nhau (50%). Nhóm NB từ 60–75 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 32,3%. Phần lớn người bệnh đến từ khu vực nông thôn (66,2%).

Bảng 2. Đặc điểm bệnh và phẫu thuật của đối tượng nghiên cứu (n = 130)

Đặc điểm bệnh & phẫu thuật		n	%
Vị trí khớp bị tổn thương	Phải	65	50,0
	Trái	57	43,8
	Cả hai	8	6,2
Vị trí khớp háng phẫu thuật	Phải	70	53,8
	Trái	60	46,2

Khớp háng bị tổn thương gặp nhiều ở bên phải (50,0%), bên trái 43,8% và cả hai bên 6,2%. Khớp háng phẫu thuật nhiều hơn ở bên phải với 53,8%, trong khi bên trái chiếm 46,2%.

Bảng 3. Điểm trung bình chất lượng cuộc sống các khía cạnh của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo (n = 130)

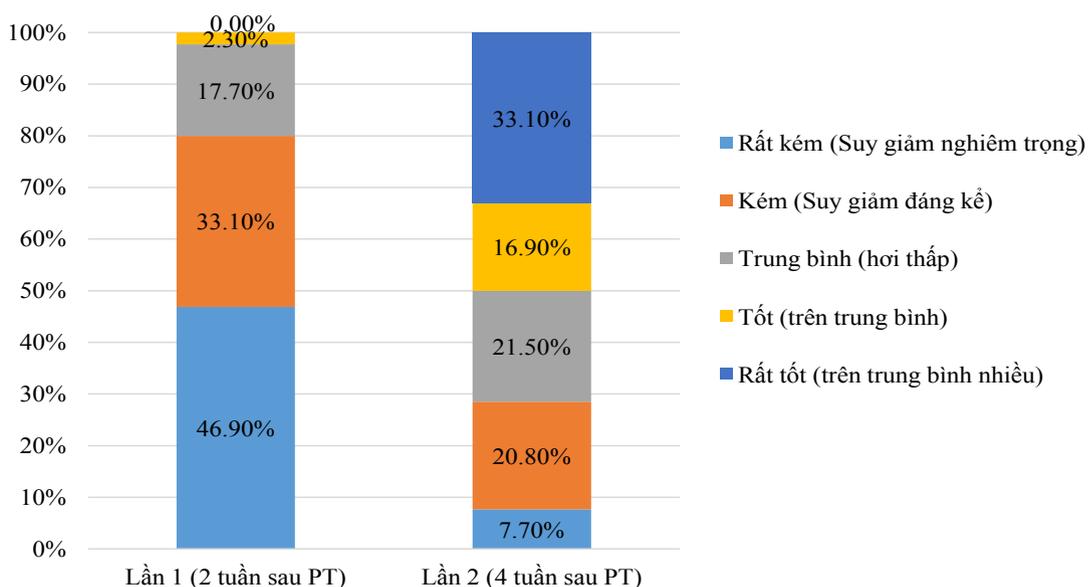
Điểm chất lượng cuộc sống	Lần 1 (Sau PT 2 tuần) X ± SD	Lần 2 (Sau PT 4 tuần) X ± SD	p (Paired Samples Test)
Sức khỏe tổng quát	24,42 ± 21,67	39,61 ± 15,18	0,000
Hoạt động thể chất	10,38 ± 15,49	44,42 ± 33,27	0,000
Hạn chế do vấn đề thể chất	22,88 ± 11,02	45,38 ± 20,36	0,000
Đau cơ thể	41,54 ± 13,04	59,23 ± 14,64	0,000
Sức sống (năng lượng)	49,62 ± 17,05	61,15 ± 21,80	0,000
Chức năng xã hội	47,50 ± 14,21	64,42 ± 13,52	0,000
Vai trò cảm xúc	22,21 ± 17,42	45,77 ± 21,43	0,000
Sức khỏe tâm thần	58,84 ± 11,79	64,33 ± 17,75	0,000

Điểm trung bình chất lượng cuộc sống của người bệnh cải thiện rõ rệt ở tất cả các khía cạnh tại thời điểm 4 tuần so với 2 tuần sau phẫu thuật, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$).

Bảng 4. Điểm trung bình chất lượng cuộc sống tổng thể, thể chất, tinh thần của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo (n = 130)

Điểm chất lượng cuộc sống	Lần 1 (Sau PT 2 tuần) X ± SD	Lần 2 (Sau PT 4 tuần) X ± SD	p (Paired Samples Test)
Sức khoẻ thể chất	22,08 ± 6,91	46,41 ± 17,31	0,000
Sức khoẻ tinh thần	43,20 ± 11,18	57,62 ± 16,75	0,000
Tổng điểm SF12	32,64 ± 8,26	52,02 ± 16,56	0,000

Điểm trung bình chất lượng cuộc sống tổng thể, thể chất và tinh thần của người bệnh đều cải thiện rõ rệt sau phẫu thuật. Cụ thể, sức khỏe thể chất tăng từ 22,08 ± 6,91 sau 2 tuần lên 46,41 ± 17,31 sau 4 tuần; sức khỏe tinh thần từ 43,20 ± 11,18 lên 57,62 ± 16,75. Tổng điểm SF-12 cũng tăng từ 32,64 ± 8,26 lên 52,02 ± 16,56. Sự khác biệt giữa hai thời điểm đều có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.



Biểu đồ 1. Phân loại mức độ chất lượng cuộc sống người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo (n = 130)

Hai tuần sau phẫu thuật, chất lượng cuộc sống của người bệnh chủ yếu ở mức rất kém 46,9% và kém 33,1%, chỉ có 2,3% đạt mức tốt và chưa có trường hợp nào rất tốt. Sau bốn tuần phẫu thuật, tình trạng cải thiện rõ rệt với 33,1% người bệnh đạt mức rất tốt và 16,9% ở mức tốt; tỷ lệ trung bình chiếm 21,5%, trong khi nhóm rất kém giảm xuống còn 7,7% và kém còn 20,8%.

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng cuộc sống (CLCS) của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo cải thiện rõ rệt trong giai đoạn sớm sau mổ. Cụ thể, sau 4 tuần phẫu thuật, điểm trung bình ở tất cả các lĩnh vực của thang đo SF-12 đều tăng có ý nghĩa thống kê so với thời điểm 2 tuần sau mổ ($p < 0,001$). Sức khỏe tổng quát tăng từ $24,42 \pm 21,67$ lên $39,61 \pm 15,18$; hoạt động thể chất từ $10,38 \pm 15,49$ lên $44,42 \pm 33,27$; hạn chế do vấn đề thể chất từ $22,88 \pm 11,02$ lên $45,38 \pm 20,36$; đau cơ thể từ $41,54 \pm 13,04$ lên $59,23 \pm 14,64$. Các khía cạnh sức sống, chức năng xã hội, vai trò cảm xúc và sức khỏe tâm thần cũng cải thiện rõ rệt. Tổng điểm SF-12 tăng từ $32,64 \pm 8,26$ lên $52,02 \pm 16,56$, trong đó sức khỏe thể chất tăng từ $22,08 \pm 6,91$ lên $46,41 \pm 17,31$, còn sức khỏe tinh thần tăng từ $43,20 \pm 11,18$ lên $57,62 \pm 16,75$. Điều này cho thấy sự cải thiện CLCS xuất hiện khá sớm chỉ trong tháng đầu sau phẫu thuật, đặc biệt nổi bật ở các khía cạnh thể chất.

Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây trong và ngoài nước. Nghiên cứu tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2014 cho thấy điểm SF-36 tổng thể tăng từ 26,4 trước phẫu thuật lên 39,5 khi ra viện và 61,6 sau 1 tháng, chứng minh CLCS của người bệnh cải thiện rõ rệt sau can thiệp thay khớp háng⁹. Tương tự, nghiên cứu của Lã Thị Thanh Lâm và cộng sự (2024) tại Bệnh viện Quân y 354 ghi nhận điểm SF-12 và Harris Hip Score đều tăng đáng kể sau phẫu thuật, phản ánh sự cải thiện cả chức năng vận động và CLCS của người bệnh¹⁰. Ngoài ra, nghiên cứu của Đặng Hoàng Giang và Hoàng Gia Du (2023) tại Bệnh viện Bạch Mai sử dụng thang EQ-5D cũng cho thấy CLCS tăng dần theo thời gian sau phẫu thuật, đặc biệt ở các khía cạnh vận động và khả năng tự chăm sóc³. Các

nghiên cứu quốc tế cũng ghi nhận xu hướng tương tự: theo Grozdeva và cộng sự (2023) cho thấy CLCS của bệnh nhân thay khớp háng cải thiện rõ sau chương trình phục hồi chức năng sớm¹¹, trong khi Kajos và cộng sự (2024) báo cáo điểm CLCS tăng đáng kể trong những tháng đầu sau phẫu thuật thay khớp háng¹². Như vậy, kết quả của nghiên cứu này phù hợp với xu hướng chung của y văn, khẳng định rằng phẫu thuật thay khớp háng mang lại hiệu quả rõ rệt trong cải thiện CLCS của người bệnh.

Sự cải thiện CLCS trong nghiên cứu có thể được lý giải bởi nhiều yếu tố. Trước hết, phẫu thuật thay khớp háng giúp giải quyết nguyên nhân chính gây suy giảm CLCS trước mổ là đau và hạn chế vận động, từ đó cải thiện khả năng đi lại, sinh hoạt và tự chăm sóc của người bệnh¹. Khi cơn đau được kiểm soát và chức năng khớp được phục hồi, người bệnh có thể tham gia lại các hoạt động thường ngày, dẫn đến sự cải thiện nhanh ở các lĩnh vực sức khỏe thể chất. Bên cạnh đó, việc áp dụng các chương trình phục hồi chức năng sớm, kiểm soát đau hiệu quả và chăm sóc điều dưỡng sau mổ cũng góp phần thúc đẩy quá trình hồi phục và nâng cao CLCS của người bệnh^{2,11}. Ngoài ra, yếu tố tâm lý tích cực của người bệnh khi được điều trị bằng một phương pháp phẫu thuật có hiệu quả cao cũng góp phần cải thiện sức khỏe tinh thần sau phẫu thuật.

Biểu đồ 1 cho thấy sự thay đổi rõ rệt về phân loại mức độ chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo. Tại thời điểm 2 tuần sau phẫu thuật, phần lớn người bệnh có chất lượng cuộc sống ở mức rất kém (46,9%) và kém (33,1%), trong khi chỉ 2,3% đạt mức tốt và chưa có trường hợp nào đạt mức rất tốt. Tuy nhiên, đến 4 tuần sau phẫu thuật, phân bố mức độ chất lượng cuộc sống đã cải thiện đáng kể: tỷ lệ rất tốt tăng lên 33,1%,

tốt chiếm 16,9%, trong khi nhóm rất kém giảm xuống còn 7,7% và kém còn 20,8%. Kết quả này cho thấy chất lượng cuộc sống của người bệnh có xu hướng cải thiện rõ rệt chỉ trong tháng đầu sau phẫu thuật. Kết quả này tương đồng với nhiều nghiên cứu trước đây: nghiên cứu của Nguyễn Kim Quang và Nguyễn Trung Kiên (2022) tại An Giang cũng ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về phân loại chất lượng cuộc sống sau phẫu thuật thay khớp háng bán phần, với tỷ lệ người bệnh đạt mức khá và tốt tăng dần theo thời gian hồi phục¹³. Hay nghiên cứu của Grozdeva và cộng sự (2023) cho thấy sau phẫu thuật thay khớp háng, tỷ lệ người bệnh đạt mức chất lượng cuộc sống tốt tăng lên đáng kể sau khi tham gia chương trình phục hồi chức năng sớm¹¹. Những kết quả này đều khẳng định rằng sự cải thiện chất lượng cuộc sống sau phẫu thuật thay khớp háng là xu hướng nhất quán, đặc biệt trong giai đoạn hồi phục ban đầu.

Từ những kết quả trên, có thể khuyến nghị rằng việc đánh giá CLCS bằng các thang đo chuẩn hóa như SF-12 nên được triển khai thường quy trong theo dõi người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhằm đánh giá toàn diện kết quả điều trị. Đồng thời, các cơ sở y tế cần tăng cường chăm sóc điều dưỡng, kiểm soát đau và phục hồi chức năng sớm để tối ưu hóa sự cải thiện CLCS của người bệnh trong giai đoạn hậu phẫu. Ngoài ra, các nghiên cứu trong tương lai nên tiếp tục theo dõi CLCS ở các mốc dài hạn hơn (3–6 tháng hoặc 1 năm sau phẫu thuật) nhằm đánh giá đầy đủ hơn tiến trình hồi phục của người bệnh.

Hạn chế của nghiên cứu: Nghiên cứu chỉ theo dõi chất lượng cuộc sống trong thời gian ngắn (2 và 4 tuần sau phẫu thuật), nên chưa phản ánh đầy đủ tiến trình hồi phục trung và dài hạn của người bệnh. Ngoài ra, nghiên cứu chưa có số liệu chất lượng cuộc

sống trước phẫu thuật, do đó chưa đánh giá được mức độ thay đổi trước- sau can thiệp. Việc thực hiện tại một bệnh viện tuyến trung ương với phương pháp chọn mẫu toàn bộ cũng có thể hạn chế khả năng khái quát kết quả cho các cơ sở y tế khác.

KẾT LUẬN

Chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo cải thiện trong 4 tuần đầu. Điểm trung bình ở tất cả các khía cạnh của thang SF-12 đều tăng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$), trong đó sức khỏe thể chất tăng từ 22,08 lên 46,41 điểm, sức khỏe tinh thần cải thiện từ 43,20 lên 57,62 điểm, và tổng điểm SF-12 tăng từ 32,64 lên 52,02 điểm. Về mức phân loại, 2 tuần sau phẫu thuật đa số người bệnh ở mức rất kém (46,9%) hoặc kém (33,1%), trong khi sau 4 tuần phẫu thuật tỷ lệ đạt mức tốt (16,9%) và rất tốt (33,1%). Điều này khẳng định hiệu quả rõ rệt của phẫu thuật thay khớp háng trong phục hồi chất lượng cuộc sống, đặc biệt ở lĩnh vực thể chất, ngay trong giai đoạn sớm sau mổ.

Cần tăng cường chăm sóc điều dưỡng, kiểm soát đau và triển khai phục hồi chức năng sớm sau phẫu thuật để tối ưu kết quả phục hồi. Đồng thời, nên thực hiện các nghiên cứu theo dõi dài hạn hơn nhằm đánh giá đầy đủ tiến trình cải thiện chất lượng cuộc sống ở người bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Xuân Thành. Phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo không xi măng, Nhà xuất bản Y học Hà Nội. 2022.
- Chloe E. H. Scott. et al. Modern total hip arthroplasty: peak of perfection or room for improvement?. Bone Joint J. 2022 Feb;104-B(2):189-192. doi: 10.1302/0301-620X.104B2.BJJ-2022-0007.

3. Đặng Hoàng Giang, Hoàng Gia Du. Nhận xét chất lượng cuộc sống người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng bằng bộ câu hỏi EQ - 5D tại khoa Chấn thương chỉnh hình và cột sống Bệnh viện Bạch Mai. *Tạp chí Y học Việt Nam*, Tập 524 Số 1A (2023), tr. 273-276. <https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1A.4669>.
4. Markatos, Savvidou. K. Hallmarks in the history and development of total hip arthroplasty. *Surg Innov.* 2020 Dec;27(6):691-694. doi: 10.1177/1553350620947209.
5. Ware JE Jr, Kosinski M, Keller SD. A 12-Item Short-Form Health Survey: Construction of Scales and Preliminary Tests of Reliability and Validity. *Med Care.* 1996;34(3):220–233. doi: 10.1097/00005650-199603000-00003.
6. Shah CH, Brown JD. Reliability and validity of the Short-Form 12-Item Survey version 2 (SF-12v2) in older adults. *J Clin Med.* 2020;9(3):661. doi: 10.3390/jcm9030661.
7. Hoang BL, et al. Validation of the SF-12 quality of life scale among cancer patients in Vietnam. *APHA Annual Meeting Abstracts.* 2023.
8. Lã Thị Thanh Tâm, Vũ Văn Hoàn, Trần Anh Tuấn. Đánh giá chất lượng cuộc sống 54 bệnh nhân sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Quân y 354. *Tạp chí Y học Quân sự.* 2024; 49(2):79–85. <https://doi.org/10.59459/1859-1655/JMM.413>.
9. Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Thanh Hương. Đánh giá sự thay đổi chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật thay khớp háng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2014. *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc tế Điều dưỡng*, 7, 115–122. 2014.
10. Lã Thị Thanh Lâm, Vũ Văn Hoàn, Trần Anh Tuấn. Đánh giá chất lượng cuộc sống 54 bệnh nhân sau phẫu thuật thay khớp háng nhân tạo tại Bệnh viện Quân y 354. *Tạp chí Y học*, 2024, 369, 24–30. <https://doi.org/10.59459/1859-1655/JMM.413>
11. Grozdeva, D., Vladeva, E., Nenova, G., & Nestorov, V. Quality of life in patients with total hip replacement – A pilot study. *Journal of IMAB*, 2023, 29(3), 5039–5044. <https://doi.org/10.5272/jimab.2023293.5039>
12. Kajos, L. F., Molics, B., et al. Comparative analysis of the quality of life regarding patients who underwent hip replacement in public versus private hospitals in Hungary. *Scientific Reports*, 2024, 14, 10031. <https://doi.org/10.1038/s41598-024-60720-4>
13. Nguyễn Kim Quang, Nguyễn Trung Kiên. Đánh giá kết quả phục hồi chức năng vận động và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân gãy cổ xương đùi sau phẫu thuật thay khớp háng bán phần tại tỉnh An Giang năm 2020–2021. *Tạp chí Y học Việt Nam*, Tập 510 Số 1 (2022), 227–233. <https://doi.org/10.51298/vmj.v510i1.1937>